

Số: 110/2026/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng; thực hiện Kết luận phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nội dung về kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 529/TB-UBND ngày 29/6/2026; Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại Kết luận số 432-KL/ĐU ngày 29/6/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân (sau đây gọi tắt là dự án đặc thù) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Danh mục loại dự án và tổng mức đầu tư tối đa một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù

1. Danh mục loại dự án đặc thù là các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa được thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã và do Ủy ban

nhân dân cấp xã quản lý, chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, gồm:

- a) Đường giao thông nông thôn.
- b) Thủy lợi nội đồng.
- c) Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở.
- d) Công trình thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

2. Tổng mức đầu tư tối đa một dự án (bao gồm toàn bộ các khoản chi phí cấu thành tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng) thuộc danh mục loại dự án đặc thù quy định tại khoản 1 Điều này là 5 tỷ đồng.

Điều 4. Tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có

1. Tiêu chí chung

a) Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có được áp dụng phải phù hợp với loại dự án quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này; phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều kiện tự nhiên, địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, khả năng cung ứng vật liệu, năng lực thi công và năng lực quản lý vận hành tại địa phương.

b) Bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, định mức, đơn giá, quy định về quản lý chi phí, quản lý chất lượng công trình xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm thực hiện dự án.

c) Bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đơn giản, dễ thi công, dễ kiểm tra, nghiệm thu, sửa chữa, bảo trì; ưu tiên sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương, giải pháp thiết kế tiết kiệm, bền vững, phù hợp khả năng đóng góp, quản lý, vận hành của cộng đồng dân cư.

d) Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân, phù hợp bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, cảnh quan khu vực; có sự tham gia, giám sát của cộng đồng theo quy định đối với dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Không thuộc trường hợp phải thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy thì phải thực hiện đầy đủ trước khi triển khai; không thuộc trường hợp phải thiết kế hệ thống kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy, xử lý môi trường, xử lý chất thải phức tạp.

e) Đối với thiết kế mẫu, thiết kế điển hình phải do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định.

g) Đối với thiết kế sẵn có, thiết kế phải thuộc hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, đã được nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

2. Tiêu chí cụ thể theo từng loại dự án

a) Dự án đường giao thông nông thôn

Tuyến đường cải tạo, nâng cấp trên cơ sở nền đường hiện hữu; các yếu tố hình học cơ bản phù hợp cấp kỹ thuật của tuyến theo các tiêu chuẩn áp dụng; không yêu cầu điều chỉnh bình đồ, trắc dọc quy mô lớn và đảm bảo các yêu cầu cụ thể như sau:

Tuyến đường chỉ thực hiện các hạng mục có tính chất kỹ thuật đơn giản, gồm: (i) san gạt, lu lèn hoàn thiện nền đường; cứng hóa mặt đường bằng kết cấu đơn giản phù hợp điều kiện địa phương (không áp dụng đối với tuyến có bề rộng mặt đường trên 5,5m và tuyến phải xử lý nền đất yếu, chiều cao mái taluy đào hoặc đắp không lớn hơn 1m, khu vực ngập sâu, sạt lở hoặc phải áp dụng giải pháp kỹ thuật chuyên sâu); (ii) hạng mục an toàn giao thông cơ bản gồm biển báo, cọc tiêu, sơn kẻ đường, tường chắn, hộ lan phòng hộ đơn giản; (iii) công trình thoát nước nhỏ như cống thoát nước ngang có khẩu độ không lớn hơn 2,5m; rãnh đất, rãnh xây, rãnh bê tông hoặc rãnh đúc sẵn có bề rộng đáy không lớn hơn 0,6m (không áp dụng đối với công trình cầu; hệ thống thoát nước qua khu vực lũ quét, sạt lở; tràn liên hợp hoặc yêu cầu tính toán thủy văn, thủy lực chuyên sâu).

Việc thiết kế công trình thực hiện theo TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế và các tiêu chuẩn có liên quan phù hợp với quy mô, cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô theo TCVN 4054:2005 hoặc đường phố nội bộ theo TCVN 13592:2022 thì chỉ áp dụng đối với hạng mục có quy mô, tính chất kỹ thuật tương đương và không làm thay đổi tính chất, quy mô, cấp công trình của dự án kỹ thuật đơn giản thuộc cơ chế đặc thù.

b) Dự án thủy lợi nội đồng

Quy mô công trình phục vụ tưới, tiêu có tiết diện lòng kênh không quá $1,08\text{m}^2$ đối với kênh bê tông, bê tông cốt thép đúc sẵn hoặc đổ tại chỗ, kênh bằng đường ống có đường kính không quá 1,0m; cống lấy nước, cống điều tiết, cửa van đóng mở bằng vít me hoặc khe phai; khẩu độ mỗi khoang không quá 2,0m. Thi công trên tuyến kênh hiện có hoặc tuyến nội đồng đơn giản; không qua khu vực sạt lở, địa chất phức tạp. Không áp dụng đối với hồ chứa, đập dâng, trạm bơm lớn, kênh chính, kênh cấp I, công trình điều tiết lũ, công trình phòng chống thiên tai có yêu cầu an toàn cao, công trình phải tính toán thủy văn - thủy lực phức tạp.

c) Dự án Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở

Quy mô 01 tầng, không có tầng hầm hoặc tầng bán hầm, chiều cao không quá 6,0m, nhịp kết cấu chính không quá 7,5m. Sử dụng giải pháp kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây, mái tôn, mái ngói, mái bê tông cốt thép thông thường.

Không áp dụng đối với nhà đa năng, hội trường; công trình có khán đài; trường liên cấp.

d) Dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Về quy mô kỹ thuật: Quy mô 01 tầng, không có tầng hầm, tầng bán hầm, không có khán đài, chiều cao không quá 6,0m, nhịp kết cấu chính không quá 7,5m; không sử dụng kết cấu không gian, mái vòm, mái dây, dàn bằng kết cấu thép.

Đối với Hội trường Văn hóa đa năng cấp xã: Quy mô từ 200 chỗ ngồi trở lên (đối với vùng đồng bằng); từ 150 chỗ ngồi trở lên (đối với vùng miền núi); từ 100 chỗ ngồi trở lên (đối với vùng núi cao, hải đảo và xã đặc biệt khó khăn).

Đối với Nhà văn hóa cấp thôn: Quy mô từ 100 chỗ ngồi trở lên (đối với vùng đồng bằng); từ 80 chỗ ngồi trở lên (đối với vùng miền núi); từ 50 chỗ ngồi trở lên (đối với vùng núi cao, hải đảo và thôn ở xã đặc biệt khó khăn).

Về kiến trúc và cảnh quan: Thiết kế mẫu, thiết kế điển hình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc trưng bản sắc văn hóa vùng, miền, dân tộc của địa phương. Khuyến khích thiết kế đồng bộ không gian mở (sân khấu ngoài trời, sân chơi, vườn hoa, cây cảnh) phù hợp với quỹ đất hiện có.

Không áp dụng đối với nhà thi đấu, sân vận động có khán đài, công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh; công trình có hệ thống âm thanh, ánh sáng, phòng cháy chữa cháy phức tạp.

3. Trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình, chỉ được áp dụng cơ chế đặc thù khi hạng mục chính và tổng thể dự án thuộc một trong các loại dự án quy định tại khoản 1 Điều 3, không vượt tổng mức đầu tư tối đa quy định tại khoản 2 Điều 3 và đồng thời đáp ứng tiêu chí kỹ thuật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Trường hợp dự án có một hoặc nhiều hạng mục vượt tiêu chí kỹ thuật quy định, có yêu cầu xử lý nền móng, kết cấu, công nghệ, phòng cháy chữa cháy, môi trường hoặc an toàn chuyên ngành phức tạp thì không áp dụng cơ chế đặc thù, trừ khi hạng mục vượt tiêu chí được phép tách thành dự án riêng và thực hiện theo trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng thông thường.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án cấp xã về trình tự thực hiện dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù.

b) Chủ trì tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án đặc thù theo phạm vi quản lý đối với các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức lựa chọn, áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đối với dự án thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù khoản 1 Điều 3, đáp ứng tiêu chí tại Điều 4 và không vượt tổng mức đầu tư tối đa quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nội dung quy định về quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định đối với dự án đặc thù.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Phạm*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTrVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP, CV;
- TTPVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, C4. *Thu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Quế